

HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ CỦA LIÊN BANG NGA, BELARUS VÀ KAZAKHSTAN VỚI VIỆT NAM: CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ

Đỗ Hương Lan*

Lê Vũ Tiến**

Tóm tắt: Liên bang Nga, Belarus và Kazakhstan là các đối tác truyền thống của Việt Nam ở khu vực SNG và vốn có nền tảng mạnh về khoa học - công nghệ. Sau nhiều biến động lịch sử, hiện nay hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học - công nghệ giữa ba nước này với Việt Nam đang được khôi phục và thúc đẩy. Bài viết sẽ đánh giá cơ sở pháp lý của hoạt động hợp tác về khoa học - công nghệ giữa Việt Nam với ba nước kể trên trên cơ sở điều tra khảo sát và từ đó đề xuất một số khuyến nghị.

Từ khóa: hợp tác khoa học công nghệ, cơ sở pháp lý, Việt Nam, Liên bang Nga, Belarus, Kazakhstan

Abstract: The Russian Federation, Belarus and Kazakhstan are Vietnam's traditional partners in the CIS region, with a strong background in science and technology. After many historical changes, the international cooperation in the field of science and technology between these three countries and Vietnam is being restored and further promoted. The paper will evaluate the legal basis of the scientific and technological cooperation between the three countries and Vietnam based on surveys and from which propose some recommendations.

Keywords: scientific and technological cooperation, legal basis, Vietnam, Russian Federation, Belarus, Kazakhstan.

Là những nước có nền tảng mạnh về khoa học - công nghệ, tuy nhiên sau khi Liên Xô tan rã, cùng với sự suy thoái của nền kinh tế, nền khoa học - công nghệ của Liên bang

Nga (LB Nga), Belarus và Kazakhstan lâm vào khó khăn. Điều này cũng ảnh hưởng đáng kể đến quan hệ hợp tác về khoa học - công nghệ với Việt Nam. Sau một thời gian trầm lắng, hiện nay hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học - công nghệ giữa ba nước này với Việt Nam đang được khôi phục và thúc đẩy. Tuy nhiên, nền tảng pháp lý cho hoạt động hợp tác hiện còn nhiều hạn chế và chưa tạo động lực thúc đẩy quan hệ hợp tác

* PGS, TS. Trường Đại học Kinh tế quốc dân

** Ths, Bộ Khoa học và Công nghệ

Nhận bài ngày: 2/8/2019

Phản biện xong 10/8/2019

Chấp nhận đăng 15/8/2019

cho tương xứng với quan hệ truyền thống lâu đời và với tiềm năng của tất cả các bên.

1. Cơ sở pháp lý của hợp tác về khoa học - công nghệ giữa Việt Nam với LB Nga, Belarus và Kazakhstan

Liên bang Nga

Quan hệ hợp tác về khoa học - công nghệ của Việt Nam với LB Nga, Belarus và Kazakhstan là sự kế thừa quan hệ hợp tác của Việt Nam với Liên Xô. Cách đây hơn nửa thế kỉ, vào ngày 7/3/1959, Liên Xô và Việt Nam đã chính thức ký kết hiệp định về hợp tác khoa học - kỹ thuật. Trong suốt những năm chiến tranh ở Việt Nam, Liên Xô đã có những giúp đỡ to lớn về mọi mặt trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc cũng như giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Tiếp đó, thời kì từ năm 1975 đến khi Liên Xô tan rã, hai bên đã xây dựng được 72 chương trình về phát triển khoa học - kỹ thuật liên quan tới mọi lĩnh vực đo lường, nông nghiệp và lương thực thực phẩm, điều tra cơ bản, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, khí tượng - thủy văn, hải dương học, dầu khí, năng lượng, hoá học, hạt nhân, cơ khí - luyện kim, giao thông vận tải, trồng cây được liệu, bảo vệ môi trường... Những chương trình này đã phát huy tác dụng to lớn trong giai đoạn nước ta khắc phục hậu quả của chiến tranh. Những dấu ấn của tình hữu nghị cũng như thành tựu của hợp tác khoa học kỹ thuật Việt Xô là đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật được đào tạo tại Liên Xô, là cơ sở vật chất kỹ thuật của nền khoa học công nghệ Việt Nam do Liên Xô giúp đỡ. Nếu chỉ

tính tới đầu thập kỷ 1990, (tính tới khi Liên bang Xô viết tan rã), Liên Xô đã giúp Việt Nam đào tạo trên đại học: tiến sĩ và phó tiến sĩ là 3.500 người, thực tập sinh khoa học 6.000 người, đào tạo đại học khoảng 20.000 người, thực tập nâng cao tay nghề 5.500 người, công nhân kỹ thuật 20.000 người. Đội ngũ này không chỉ đông đảo về số lượng mà hiện đang giữ những vị trí chủ chốt và có nhiều đóng góp trong các lĩnh vực hoạt động khoa học và thực tiễn của Việt Nam.

Sau khi Liên Xô tan rã và Nga tuyên bố độc lập, ngày 31 tháng 7 năm 1992, Nga và Việt Nam đã ký Hiệp định Hợp tác trong lĩnh vực khoa học công nghệ, theo đó, hoạt động hợp tác về khoa học - công nghệ giữa hai nước có thể được tiến hành dưới các hình thức: Cùng tiến hành hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu và triển khai; Cùng thành lập các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu khoa học, khoa học - công nghệ phục vụ sản xuất...; Trao đổi chuyên gia trong lĩnh vực khoa học - công nghệ; Trao đổi thông tin khoa học - công nghệ, thiết bị, tài liệu, mẫu mã...; Chuyển giao tri thức và kinh nghiệm khoa học - công nghệ; Tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, seminar, triển lãm khoa học - công nghệ về những vấn đề mà cả hai cùng quan tâm; Các hình thức hợp tác khác do các bên tự thỏa thuận.

Hiệp định này cũng quy định về việc thành lập Hội đồng Hợp tác về khoa học - công nghệ Việt - Nga để phối hợp và theo

đối các hoạt động, chương trình hợp tác giữa các bên.

Hiệp định Hợp tác trong lĩnh vực khoa học - công nghệ mang tính chất của một văn bản pháp lý khung tạo nền tảng cho hoạt động hợp tác về khoa học - công nghệ giữa Việt Nam với nước Nga độc lập. Tiếp sau Hiệp định này, một số văn bản khác có đề cập tới hoạt động hợp tác về khoa học - công nghệ như Hiệp định liên Chính phủ về hợp tác văn hóa và khoa học (1993), Hiệp định thừa nhận tương đương văn bằng (2010)...

Thời kỳ từ 1992 đến 2000, hoạt động hợp tác về khoa học - công nghệ giữa hai nước bị suy giảm trong bối cảnh chung của sự giám sát về hợp tác Việt - Nga trên nhiều mặt. Quan hệ này được khôi phục và bắt đầu có sự chuyển biến sau khi Tổng thống V.Putin lên cầm quyền và ký sắc lệnh "Về các biện pháp thực hiện chính sách đối ngoại của LB Nga"² trong đó lần đầu tiên đưa ra nhiệm vụ tăng cường quan hệ với Việt Nam - một trong những đối tác chiến lược của Nga ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Trên cơ sở Hiệp định giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga về hợp tác, đến nay Bộ Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Bộ Giáo dục và Khoa học Liên bang Nga tổ chức thành công 11 khóa họp Ủy ban hợp tác khoa học và công nghệ. Theo đó, hai bên sẽ xác định

các hướng ưu tiên và danh mục hợp tác khoa học và công nghệ cho từng giai đoạn cụ thể.

Có thể nói, sự hợp tác về khoa học - công nghệ giữa Việt Nam và LB Nga kể từ năm 2000 được đẩy mạnh trong bối cảnh mới - trong khuôn khổ thực hiện Hiệp định Đối tác chiến lược (2001) và Hiệp định Đối tác chiến lược toàn diện (2012). Đồng thời, các căn cứ pháp lý cho hoạt động hợp tác về khoa học và công nghệ của hai nước là các bản ghi nhớ, thoả thuận cụ thể giữa các bộ, ngành, các biên bản làm việc của cuộc họp Ủy ban hỗn hợp liên chính phủ. Tháng 9/2013, Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam và Bộ Giáo dục và Khoa học Liên bang Nga đã ký Nghị định thư về việc cùng công bố tuyển chọn các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học chung để cùng xem xét cấp kinh phí hỗ trợ thực hiện. Ngày 16/11/2013, nhân chuyến thăm cấp nhà nước đến Việt Nam của Tổng thống Liên bang Nga V.Putin, Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam đã ký với Bộ Giáo dục và Khoa học Liên bang Nga bản Ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tháng 11/2014, nhân chuyến thăm chính thức Liên bang Nga của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Chính phủ hai nước đã ký Hiệp định về đối tác chiến lược trong lĩnh vực giáo dục, khoa học và công nghệ. Đây là Hiệp định có ý nghĩa lớn nhằm tiếp tục đẩy mạnh hợp tác trong các lĩnh vực giáo dục, khoa học và công nghệ, nâng quan hệ song phương trong các lĩnh vực này lên tầm chiến lược.

² Nguyễn Nhâm, *Chính sách đối ngoại của Nga với những khái niệm mới*, <http://www.dangcongsan.vn/su-kien-binh-luan/chinh-sach-doi-ngoai-cua-nga-voi-nhung-khai-niem-moi-418744.html> 5/12/2016.

Belarus

Với Belarus, Việt Nam ký kết Hiệp định hợp tác đầu tiên về khoa học và công nghệ vào ngày 5/6/1995. Theo Hiệp định này, việc hợp tác giữa hai bên có thể được tiến hành dưới các hình thức: Thực hiện các công việc nghiên cứu khoa học chung, các dự án chung bao gồm trao đổi kết quả nghiên cứu, trao đổi nhà khoa học, chuyên gia trong quá trình thực hiện nghiên cứu; Đồng tổ chức hội nghị, hội thảo, triển lãm; Trao đổi thông tin, tài liệu khoa học kỹ thuật; Cùng sử dụng, khai thác thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học; Các hình thức hợp tác khoa học và công nghệ khác trên cơ sở thoả thuận giữa các bên.

Hiệp định này cũng quy định, rằng để đảm bảo việc thực thi Hiệp định, Ủy ban hỗn hợp sẽ được thành lập và hợp định kỳ. Các lĩnh vực hợp tác sẽ được thảo luận và thống nhất bởi Ủy ban này và đưa thành chương trình hành động. Các bên sẽ khuyến khích ký các thoả thuận phát triển hợp tác lâu dài giữa các cơ quan nhà nước, viện nghiên cứu, hiệp hội khoa học, trường đại học và các tổ chức khoa học khác.

Sau Hiệp định này hai bên ký một số Thoả thuận hợp tác trong lĩnh vực tiêu chuẩn hoá, đo lường và đánh giá sự phù hợp: Năm 2008, ký Thoả thuận về hợp tác khoa học giữa Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam và Viện Hàn lâm Khoa học quốc gia Belarus, Thoả thuận hỗ trợ các đề tài nghiên cứu cơ bản giữa Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam và Quỹ nghiên cứu cơ bản Belarus;

Năm 2009, tại Triển lãm thương mại quốc tế "Việt Nam Expo 2009", hai bên ký được 8 thoả thuận và ý định thư về hợp tác KH&CN; Năm 2010, ký Biên bản Hợp tác giữa hai khu Công nghệ cao của hai nước.

Ngoài ra, những năm gần đây, cùng với sự hội nhập về kinh tế, thương mại giữa Việt Nam với Liên minh Kinh tế Á - Âu, hàng năm Ủy ban hợp tác về khoa học - công nghệ giữa Việt Nam và Belarus đều ký kết các hiệp định hợp tác về khoa học - công nghệ, trong đó xác định rõ các hướng, các lĩnh vực ưu tiên hợp tác của từng năm.

Kazakhstan

So với hai nước láng giềng là LB Nga và Belarus, nền tảng pháp lý cho hợp tác về khoa học - công nghệ của Việt Nam với Kazakhstan chưa được thiết lập riêng. Sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao với Kazakhstan năm 1992, hiệp định đầu tiên ký kết giữa hai chính phủ là Hiệp định về hợp tác kinh tế - thương mại. Đến 2009, tại cuộc gặp gỡ giữa Tổng thống Kazakhstan và Thủ tướng Việt Nam vào tháng 4/2009, cả hai vị lãnh đạo đều nêu bật sự cần thiết phải thiết lập cơ sở pháp lý cho phát triển hợp tác lâu dài. Tháng 9/2009 tại Diễn đàn kinh tế Việt Nam - Kazakhstan, hai bên đã đạt được hàng loạt thoả thuận về khuyến khích và xúc tiến đầu tư, về sự di chuyển của công dân hai nước, lao động tạm thời, hợp tác trong lĩnh vực giáo dục, năng lượng và các nguồn khoáng sản, hợp tác chiến lược giữa Tập đoàn Kazmunaigaz và PetroVietnam. Có thể nói, đến nay giữa hai nước chưa có hiệp định

riêng về hợp tác khoa học - công nghệ mà việc hợp tác dựa trên nền tảng pháp lý chung gồm chiến lược kinh tế đối ngoại của Kazakhstan, trong đó Việt Nam được coi là đối tác quan trọng ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, cũng như các chủ trương chung về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ của Kazakhstan, Hiệp định hợp tác trong lĩnh vực kinh tế - thương mại, giáo dục, các Thỏa thuận ký kết với các cơ quan hai bên, viện nghiên cứu, trường đại học, biên bản họp Ủy ban liên chính phủ về hợp tác kinh tế - thương mại và khoa học - kỹ thuật (Ủy ban được thành lập năm 1997).

Trong giai đoạn hợp tác hiện nay dưới sự tác động của bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam với Liên minh Kinh tế Á - Âu có thể coi là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc hợp tác kinh tế nói chung và khoa học - công nghệ nói riêng gắn với phát triển

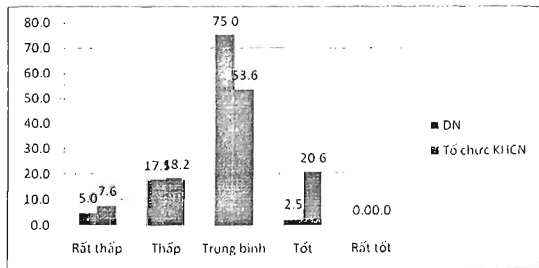
sản xuất, chuyển giao công nghệ, đầu tư giữa Việt Nam và ba nước nói trên.

2. Một số đánh giá

2.1. *Đánh giá về cơ sở pháp lý để tiến hành hợp tác về khoa học công nghệ của Việt Nam với ba nước LB Nga, Belarus và Kazakhstan qua điều tra, khảo sát*

Nhóm tác giả trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước KX06.09/11-15 đã tiến hành khảo sát đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay của các cơ sở pháp lý để tiến hành hợp tác về khoa học công nghệ của Việt Nam với 3 nước LB Nga, Belarus và Kazakhstan. Thang đo từ 1 đến 5, theo mức độ tăng dần (1=rất thấp, 2=thấp, 3=trung bình, 4=tốt, 5=rất tốt) được đưa ra để các đơn vị trả lời khảo sát lựa chọn. Đối tượng khảo sát là các tổ chức khoa học công nghệ và doanh nghiệp. Kết quả được thể hiện qua Biểu đồ 1 dưới đây.

Biểu đồ 1: Đánh giá của các đơn vị khảo sát về mức độ đáp ứng yêu cầu của cơ sở pháp lý để tiến hành hợp tác về KHCN giữa Việt Nam với 3 nước LB Nga, Belarus và Kazakhstan



Đối với cả hai nhóm doanh nghiệp và tổ chức khoa học công nghệ đều không có ý kiến đánh giá ở mức cao nhất (Rất tốt) khi trả lời câu hỏi đánh giá về mức độ đáp ứng yêu cầu thực tiễn của cơ sở pháp lý hỗ trợ tiến hành hợp tác về khoa học công nghệ của Việt Nam với LB Nga, Belarus và Kazakhstan hiện nay. Số ý kiến đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu thực tiễn ở cấp độ Rất thấp và Thấp của cả hai nhóm doanh nghiệp và tổ chức khoa học công nghệ tương đối gần nhau với tỉ lệ ý kiến lần lượt là 5,0% và 17,5% của nhóm doanh nghiệp và 18,2% và 7,6% của nhóm tổ chức khoa học công nghệ. Đánh giá ở mức độ Trung bình, hai nhóm có sự khác biệt tương đối lớn, đó là 75% là ý kiến của doanh nghiệp và 53,6% là của tổ chức khoa học công nghệ. Với kết quả thu được thể hiện ở bảng trên, có thể nói ở thời điểm hiện tại các đơn vị trả lời khảo sát đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu thực tiễn của cơ sở pháp lý hỗ trợ tiến hành hợp tác về khoa học công nghệ của Việt Nam với LB Nga, Belarus và Kazakhstan ở mức trung bình.

2.2. Đánh giá về cơ sở pháp lý để tiến hành hợp tác về khoa học và công nghệ của Nga với Việt Nam từ phía doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ Nga

Để có cái nhìn khách quan, hai chiều về cơ sở pháp lý và những rào cản trong quan hệ hợp tác giữa LB Nga, Belarus với Việt Nam (do Kazakhstan chưa có hoạt động hợp tác đáng kể), nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát 35 tổ chức khoa học, công nghệ của

hai nước và 30 doanh nghiệp của Nga và Belarus. Kết quả cho thấy, 53% các tổ chức khoa học, công nghệ cũng như doanh nghiệp của hai nước cho rằng cơ sở pháp lý hợp tác hiện nay ở mức trung bình. Kết quả này tương đồng với đánh giá của các tổ chức khoa học - công nghệ và doanh nghiệp Việt Nam.

3. Một số khuyến nghị

Như đã phân tích ở trên, cơ sở pháp lý cho hoạt động hợp tác về khoa học và công nghệ của Việt Nam với từng quốc gia trong nhóm 3 nước LB Nga, Belarus và Kazakhstan hiện bao gồm các hiệp định song phương, các thoả thuận cụ thể trong từng bộ, ngành, biên bản hợp ủy ban hỗn hợp theo định kỳ, các thoả thuận của từng chủ thể hợp tác. Hiện thiếu hẳn chính sách hợp tác về khoa học - công nghệ giữa Việt Nam với nhóm nước này hay mở rộng ra là Việt Nam với Liên minh Kinh tế Á - Âu trong bối cảnh hội nhập về kinh tế.

Chính sách hợp tác mới cần khẳng định vai trò quan trọng của việc hợp tác về khoa học và công nghệ giữa Việt Nam với Liên minh Kinh tế Á - Âu trên nền tảng hợp tác về kinh tế, coi hợp tác về khoa học và công nghệ là công cụ quan trọng để đẩy mạnh hợp tác về kinh tế, phát triển kinh tế của từng nước trong FTA. Hợp tác về khoa học và công nghệ trong bối cảnh mới cần dựa trên nguyên tắc thị trường, các bên cùng có lợi, đặc biệt là lợi ích kinh tế.

Trong chính sách, cần chỉ ra các lĩnh vực, hình thức hợp tác giữa các bên cũng như các cơ chế tài chính, các cơ chế khuyến khích, chỉ ra các mô hình hợp tác, điều kiện thực hiện các mô hình hợp tác, đặc biệt chú trọng tới mô hình hợp tác đa phương.

Ngoài ra, nền tảng pháp lý để tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác sẽ không chỉ dừng ở chính sách cụ thể trong lĩnh vực khoa học - công nghệ mà cần đồng bộ với các chính sách ngoại giao, chính sách khuyến khích hợp tác sản xuất, thu hút đầu tư vào lĩnh vực khoa học công nghệ, chính sách về tài chính để thúc đẩy hợp tác về khoa học - công nghệ...

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Hương Lan, Đề tài nghiên cứu khoa học: *"Nghiên cứu đổi mới và hoàn thiện mô hình hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ của Việt Nam với các đối tác truyền thống trong bối cảnh hội nhập: nghiên cứu điển hình về hợp tác với LB Nga, Belarus và Kazakhstan"*, 2016.

2. ЕАЭС как толчок к развитию обрабатывающей промышленности // Информационно-аналитический центр по изучению общественно-политических процессов на постсоветском пространстве при Кафедре истории стран Ближнего зарубежья Исторического фак-та Московского гос. ун-та им. М.В. Ломоносова. 29/07/2014. <http://ia-centr.ru/expert/18685/>, дата обращения: 29/6/2015.

3. Заключенные РАН соглашения о международном сотрудничестве // Веб-страница Российской академии наук. <http://ras.ru/about/cooperation/internationalcooperation4.aspx>, дата обращения: 29/6/2015.

4. Результаты НИР // Веб-страница Евразийской экономической комиссии. <http://www.eurasiancommission.org/ru/NIR/Lists/List/AllItems.aspx>, дата обращения: 30/3/2015.

5. Российско-вьетнамское научно-техническое и гуманитарное сотрудничество // Веб-страница Посольства Российской Федерации в Социалистической Республике Вьетнам. http://www.vietnam.mid.ru/hron_03.html, дата обращения: 29/6/2015.

6. Сотрудничество Российской академии наук с национальными академиями и научными центрами зарубежных стран // Веб-страница Российской академии наук. <http://ras.ru/about/cooperation/internationalcooperation4.aspx>, дата обращения: 29/6/2015.

7. Центр высоких технологий ЕврАзЭС // Веб-страница ЕврАзЭС. http://evrazes.com/about/sp_cvt/, дата обращения: 30/3/2015.